

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/7/2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Luân Văn Lý

2. Ông Long Văn Thanh

- T ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Trung - T ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đàm Thế Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Triệu Thị T - sinh năm 1994.

HKTT: xóm Nà Roác 2, xã B, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: tổ 02, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N - sinh năm 1995.

HKTT: thị trấn N, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: tổ 09, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà giam giữ Công an thành phố Cao Bằng; Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2023, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Triệu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn N kết hôn tháng 4/2021, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở một bên gia đình

(nhà gái), đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bạch Đằng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Khi cưới, bà và ông N đều là lao động tự do.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông N không lo làm ăn cũng như không chăm lo cho gia đình. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cãi vã và ông N có hành vi đánh đập bà nhiều lần. Tự bản thân vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/6/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T kết hôn tháng 10/2020, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bạch Đằng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Khi cưới, cả hai vợ chồng đều là lao động tự do. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình mâu thuẫn có cãi nhau nhưng không xảy ra xô xát. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả và đã ly thân từ khoảng tháng 10/2022 đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, tuy nhiên bà T yêu cầu ly hôn ông nhất trí.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Các đương sự xác nhận không có con chung nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Triệu Thị T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Bà Triệu Thị T khởi kiện “Ly hôn” với ông Nguyễn Văn N trú tại tổ 09, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, có đơn yêu cầu vắng mặt tất cả các hoạt động tố tụng tại Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị T và ông Nguyễn Văn N kết hôn ngày 22/4/2021, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bạch Đằng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Hai bên đương sự đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7, 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng xảy ra cãi vã nhiều lần. Mâu thuẫn đã được vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả và đã sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà T và ông N đã thực sự không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác nhận tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị T

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

[2]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác nhận tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Triệu Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Triệu Thị T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003375 ngày 19/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Bà Triệu Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quỳnh Mai